**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN PHÚ QUỐC**
TỈNH KIÊN GIANG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2019
V/v: "Xin ly hôn".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Trương Ngọc Hồng**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Nguyễn Phước Lộc**
2. Ông **Dương Tấn Đấu**

***- Thư ký phiên tòa***: Bà **Trần Cẩm Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc***: Ông **Lê Văn Chung** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 251/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 về việc "Xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1959

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T1,** sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện P, tỉnh K.

*(Ông T có đơn xin vắng mặt, bà T1 vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông Huỳnh Văn T trình bày:

Vào năm 1982, ông và bà Nguyễn Thị T1 tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau chung sống vợ chồng, tuy chung sống vợ chồng với nhau nhưng đến nay ông bà vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc, đến năm 2009 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống dẫn đến

tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, vì nghĩ đến các con ông bà cố hàn gắng lại với nhau để cùng nhau lo cho các con nhưng không được mà chuyện mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, nên cũng từ năm 2009 ông và bà Thương sống ly thân với nhau cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể chung sống với nhau được nữa nên ông khởi kiện xin được ly hôn với bà T1.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có với nhau năm người con chung tên Huỳnh Thị T2, sinh năm 1983; Huỳnh Thanh T3, sinh năm 1985; Huỳnh Văn T4, sinh năm 1988; Huỳnh Thị Kim A, sinh năm 1990 và Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1999. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 được Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần như Thông báo thụ lý vụ án ngày 06/7/2018, giấy triệu tập lần thứ nhất ngày 14/8/2018, giấy triệu tập lần thứ hai ngày 05/11/2018, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 01/10/2018, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/11/2018 nhưng bà T1 vẫn không đến Tòa án. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải giữa các bên đương sự.

* Kiểm sát viên có ý kiến cho rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, lấy lời khai, hòa giải, đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên, vụ án đã quá thời hạn luật định. Đối với Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng phiên tòa từ khi khai mạc phiên tòa cho đến thời điểm trước nghị án theo Điều 238 BLTTDS. Đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T được ly hôn với bà T1. Về con đã trưởng thành không xem xét. Về tài sản không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai (lần thứ nhất ngày 14/5/2019) nhưng vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bà T1 không vì sự kiện bất khả kháng. Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng nguyên đơn ông Huỳnh Văn T và bị đơn bà Nguyễn Thị T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1982 ông T và bà T1 tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến với nhau dẫn đến không còn tình cảm vợ chồng nên ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2009 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắng nên ông T khởi kiện xin được ly hôn với bà T1.

Tại bản tự khai ông T khẳng định không còn tình cảm với bà T1 và không thể tiếp tục chung sống được nữa nên ông vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà T1.

Xét quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T1 xét thấy: Tuy ông T và bà T1 không có đăng ký kết hôn nhưng do ông bà chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1982 nên căn cứ vào điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì hôn nhân của ông bà được xem là hôn nhân thực tế. Nay cuộc sống vợ chồng của ông bà không còn hạnh phúc và ông T khẳng định không còn tình cảm với bà T1 nên không thể chung sống vợ chồng, do đó ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2009 đến nay.

Tại biên bản xác minh ông Dương Văn C là Trưởng Ban nhân dân ấp C cho biết "Ông T và bà T1 và vợ chồng với nhau nhưng họ chung sống với nhau từ năm nào thì ông không rõ. Tuy nhiên, ông T với bà T1 đã sống ly thân với nhau đã nhiều năm nay, còn cụ thể từ năm nào thì ông không rõ. Hiện tại ông T và bà T1 đã sống riêng mỗi người sống một nơi không còn sống chung với nhau nữa. Còn nguyên nhân hai người ly thân với nhau thì ông không biết". Xét thấy ông T và bà T1 không còn chung sống vợ chồng với nhau đã nhiều năm, tình cảm của ông T đối với bà T1 không còn, cuộc sống vợ chồng giữa ông bà không thể hàn gắng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T được ly hôn với bà T1.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có với nhau năm người con chung tên Huỳnh Thị T2, sinh năm 1983; Huỳnh Thanh T3, sinh năm 1985; Huỳnh Văn T4, sinh năm 1988; Huỳnh Thị Kim A, sinh năm 1990 và Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1999. Hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông T cho rằng vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Về nợ chung: Ông T xác nhận vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 266; 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị T1.

2. Về con chung: Năm người con của ông T, bà T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0003237 ngày 03/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc. Ông T đã nộp xong. Bà T1 không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản bán được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Phú Quốc;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Trương Ngọc Hồng**